

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27/4/2018

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
giữa ông H với bà L”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
- Các hội thẩm nhân dân: Bà Giáp Thị Hiền
Ông Đinh Công Mỹ

Thư ký Toà án bà Vi Thị Lan Phương - Cán bộ Tòa án ghi biên bản phiên toà.

Đại diện VKS tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Như H, sinh năm 1961 (có mặt)
Nơi cư trú: phố H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: bà Vũ Thị L, sinh năm 1960 (đề nghị xét xử vắng mặt)
Nơi ĐKKHTT: phố H, thị trấn C, Tân Yên, Bắc Giang.
Nơi cư trú: khu Đ, thị trấn C, Tân Yên, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Nguyễn Như H trình bày:

Ông kết hôn với bà L năm 1981, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không có vấn đề gì. Đến thời điểm gần đây mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính nết không hợp nhau, bản thân ông chơi bời không tu chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông bà đã sống ly thân từ ngày 25/11/2017 đến nay không thăm hỏi gì nhau. Bà L còn yêu cầu ông làm đơn ly hôn. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn.

Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông H giữ nguyên ý kiến.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/4/2018, bị đơn là bà Vũ Thị L trình bày:

Bà kết hôn với ông H năm 1981 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn bà về chung sống cùng ông H tại huyện Y đến năm 1989 thì chuyển về huyện T sinh sống, tình cảm vợ chồng bình thường. Đến khoảng năm 2014 - 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà bị bệnh khớp, sức khỏe yếu nên ông H đã quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác. Bà đã khuyên bảo rất nhiều nhưng ông H không chấm dứt ngoại tình, bà đành phải chấp nhận cho ông H đi lại với người phụ nữ khác. Từ đó, vợ chồng ly thân đến nay đã được hơn 03 năm mà không quan tâm gì nhau. Bà và ông H đã bán nhà chia tài sản chung, bà đến ở cùng con trai ở khu Đ, thị trấn C, còn ông H cũng mua nhà khác sinh sống. Bà thấy ông H quá bạc tình bạc nghĩa nên bà cũng không còn tình cảm gì với ông. Ông H đề nghị ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà L đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Ngày 14/3/2018, ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Vũ Thị L có nơi cư trú tại khu Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Tại phiên tòa, bà L vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà L là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà L kết hôn năm 1981 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2001 bà L bị bệnh viêm đa khớp nên khó khăn trong việc đi lại, lao động, sinh hoạt và quan hệ vợ chồng. Từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Đến khoảng năm 2015, ông H đã có quan hệ tình cảm với

người phụ nữ khác, bà L biết chuyện nhưng vì ốm đau bệnh tật không quan tâm ông H được nên bà đành chấp nhận. Đến khoảng cuối năm 2017, ông H công khai đi lại với người phụ nữ khác và yêu cầu bà L phải chấp nhận nhưng bà không đồng ý. Ông bà đã bán nhà chia tài sản chung rồi mỗi người sống một nơi, ông H mua nhà khác ở, còn bà L đến ở với vợ chồng con trai. Nay ông H yêu cầu ly hôn bà L thì bà cũng đồng ý. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H yêu cầu ly hôn, bà L cũng nhất trí. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho ông H ly hôn bà L.

3. Về con chung, tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: ông H và bà L đều không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Như H được ly hôn bà Vũ Thị L.

2. Về án phí: ông Nguyễn Như H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0001870 ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Xác nhận ông H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã T, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng